

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ P
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **63/2017/HNGĐ-ST**
Ngày: 01/9/2017

V/v tranh chấp: “Chia tài sản chung sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Tâm**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Lý Thị Bé Năm**.

2. Bà **Nguyễn Thị Vân**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Võ Phong Hiếu**.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Tiền Giang:* Ông **Nguyễn Thanh Bình**, Kiểm sát viên.

Trong ngày **30** tháng **8** và ngày **01** tháng **9** năm **2017** tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 288/2016/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2016 về việc tranh chấp “Chia tài sản chung sau khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **H**, sinh năm 1976

Địa chỉ ĐKTT: ấp T, xã T, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ tạm trú: khu phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **B**, sinh năm 1978 (theo văn bản ủy quyền ngày 22/9/2016) (có mặt)

Địa chỉ: khu phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Ông **M**, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Ngân hàng A**

Đại diện theo ủy quyền: Ông **N**, Giám đốc chi nhánh thị xã P (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Quốc lộ A, phường N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh **P**, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã P, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10/3/2017 của nguyên đơn H và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bà B, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn H trình bày:

Bà H và ông M là vợ chồng, do quá trình sống chung với nhau không hợp, nên ông M đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tại bản án số 75/2016/HNGĐ-ST ngày 08/8/2016 của Tòa án nhân dân thị xã P đã tuyên bố ông M và bà H không phải là vợ chồng do không có đăng ký kết hôn. Trong vụ án này, bà H và ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Nay bà H yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm:

- Phần đất có diện tích đất 5.334,1m² loại đất lúa thuộc thửa 1612, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã P, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02899 ngày 19/02/2008 của UBND huyện C cấp cho hộ ông M. Bà H yêu cầu chia đôi phần đất nêu trên. Trong phần đất có diện tích 5.334,1m² này thì vợ chồng bà mua khoảng 4.000m² còn khoảng hơn 1.000m² là do bên gia đình ông M cho.

- Phần đất có diện tích đất 92,5m² loại đất trồng cây hàng năm thuộc thửa 1821, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã P, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02898 cấp cho hộ ông M. Nay bà H xin được rút lại yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất này.

- Nhà gắn liền thửa số 2951, tờ bản đồ số 03, diện tích đất 541,3m² tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã P, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01480 ngày 12/8/2014 của UBND huyện C cấp cho ông M, trong đó nhà ở gắn liền với đất là 92,5m². Nay bà H chỉ tranh chấp về căn nhà trên đất chứ không tranh chấp về việc chia đất. Bà H yêu cầu được chia đôi giá trị căn nhà theo biên bản định giá.

- Tài sản sinh hoạt trong gia đình gồm: 01 bộ ván ngủ, 01 tủ lạnh hiệu Panasonic, 01 bếp gas hiệu Rinnai + 01 bình gas, 01 máy may, 01 máy dầu, 01 máy bơm nước hiệu Honda, 01 xe Honda Wave Alpha biển số 63X2-3796, 01 bình xịt máy, 01 tủ đứng bằng cây, 01 tủ đứng bằng nhôm, 01 tủ Tivi nhôm lồng kính, 01 Tivi hiệu Darling và 01 Tivi hiệu Samsung.

Nay bà H yêu cầu chia các tài sản sau: 01 bộ ván ngủ, 01 tủ lạnh hiệu Panasonic, 01 bếp gas hiệu Rinnai + 01 bình gas, 01 máy may, 01 máy dầu, 01 máy bơm nước hiệu Honda, 01 xe Honda Wave Alpha biển số 63X2-3796, 01 bình xịt máy, 01 tủ đứng bằng cây, 01 tủ đứng bằng nhôm, 01 tủ Tivi nhôm lồng kính, 01 Tivi hiệu Darling và 01 Tivi hiệu Samsung. Bà H yêu cầu chia đôi số tài sản trên và yêu cầu được nhận bằng giá trị.

- Về nợ: Không đồng ý chia đôi số tiền nợ 35.000.000 đồng mà ông M vay tại Ngân hàng A, chi nhánh thị xã P, tỉnh Tiền Giang. Vì ông M vay số tiền này thì tôi không hề hay biết và không có thông qua ý kiến của bà H.

* Bị đơn M trình bày:

+ Phần đất có diện tích đất 5.334,1m² loại đất lúa thuộc thửa 1612, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã P, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02899 ngày 19/02/2008 do UBND huyện C cấp cho hộ ông M. Trong phần diện tích đất ruộng này, cha ông đã cho ông khoảng hơn 1.000m², phần còn lại do vợ chồng mua. Nay ông chỉ đồng ý chia cho bà H 2.000m².

+ Phần đất có diện tích đất 92,5m² loại đất trồng cây hàng năm thuộc thửa 1821, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã P, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02898 cấp cho hộ ông M. Ông đồng ý về việc không yêu cầu chia đôi với phần đất này.

+ Nhà gắn liền thửa số 2951, tờ bản đồ số 03, diện tích đất 541,3m² tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã P, tỉnh Tiền theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01480 ngày 12/8/2014 do UBND huyện C cấp cho ông M. Căn nhà trên đất thì ông thống nhất là tài sản chung của vợ chồng, ông đồng ý chia đôi nhưng ông có khả năng để hoàn lại giá trị nhà cho bà H nếu ông là người nhận nhà.

+ Đối với tài sản sinh hoạt trong gia đình ông thống nhất trình bày của chị H. Ông đồng ý giao bà H 01 bếp gas hiệu Rinnai + 01 bình gas; 01 máy may; 01 tủ đứng bằng cây; 01 tủ đứng bằng nhôm; 01 tủ Tivi nhôm lồng kính; 01 Tivi hiệu Darling. Ông không yêu cầu chia đôi với các tài sản này.

Ông yêu cầu được chia bằng hiện vật 01 máy dầu, 01 máy bơm nước hiệu Honda, 01 bình xịt máy. Các tài sản còn lại 01 bộ ván ngủ, 01 tủ lạnh hiệu Panasonic, 01 xe Honda Wave Alpha biển số 63X2-3796, 01 Tivi hiệu Samsung ông yêu cầu chia đôi giải quyết theo pháp luật.

Ngoài ra, ngày 09/5/2016 ông có vay của Ngân hàng A, thị xã P số tiền 35.000.000 đồng để trả nợ phân thuốc cho bà B số tiền khoảng 16.000.000 triệu đồng trong quá trình trồng dưa hấu còn nợ lại; trả nợ cho bà H số tiền 15.000.000 đồng (tiền mượn làm vốn trồng dưa). Ông yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng ½ số tiền nợ. Tuy nhiên, ngày 16/11/2017 ông đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền 36.592.000 đồng, nên ông yêu cầu bà H hoàn lại cho ông ½ tiền vốn + lãi.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng A trình bày:

Vào ngày 16/5/2016 ông M có vay của Ngân hàng số tiền 35.000.000 đồng, thời hạn vay 14 tháng, đến ngày 10/7/2017 hết hạn, mục đích vay: chăn nuôi heo nái giống. Hiện tại ông M đã hoàn trả hết số nợ cho Ngân hàng, nên không có yêu cầu gì trong vụ án này và xin vắng mặt.

- Anh P thống nhất ý kiến của ông M và không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà H và ông M xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1992, nhưng không đăng ký kết hôn. Tại bản án hôn nhân gia đình số 75/2016/HNGĐ-ST ngày 08/8/2016

của Tòa án nhân dân thị xã P đã tuyên bố ông M và bà H không phải là vợ chồng, quan hệ tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có. Do bà H và ông M không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tài sản chung, nên bà H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa, bà B là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn H rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó bà H rút yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 92,5m² loại đất trồng cây hàng năm thuộc thửa 1821, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã P, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02898 cấp cho hộ ông M. Ông M cũng đồng ý không yêu cầu chia phần diện tích đất này.

Xét việc bà B, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn H rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn B về việc yêu cầu chia phần diện tích 92,5m² loại đất trồng cây hàng năm thuộc thửa 1821, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã P, tỉnh Tiền Giang, là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Như vậy, bà B yêu cầu chia các tài sản còn lại gồm:

- Quyền sử dụng đất: diện tích 5.334,1m² loại đất lúa thuộc thửa 1612, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã P, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02899 ngày 19/02/2008 do UBND huyện C cấp cho hộ ông M.

- Nhà: Bà H yêu cầu chia giá trị 01 căn nhà xây dựng trên thửa số 2951, tờ bản đồ số 03, diện tích đất 541,3m² tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã P, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01480 ngày 12/8/2014 do UBND huyện C cấp cho ông M. Phần đất diện tích 541,3m² bà H không yêu cầu chia;

- Tài sản sinh hoạt trong gia đình gồm: 01 bếp gas hiệu Rinnai + 01 bình gas; 01 máy may; 01 tủ đứng bằng cây; 01 tủ đứng bằng nhôm; 01 tủ Tivi nhôm lồng kính; 01 Tivi hiệu Darling; 01 máy dầu, 01 máy bơm nước hiệu Honda, 01 bình xịt máy; 01 bộ ván ngủ, 01 tủ lạnh hiệu Panasonic, 01 xe Honda Wave Alpha biển số 63X2-3796, 01 Tivi hiệu Samsung.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn H:

* Đối phần diện tích 5.334,1m² loại đất lúa thuộc thửa 1612:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, bà H và ông M trình bày thống nhất nguồn gốc phần đất diện tích 5.334,1m² là do vợ chồng ông bà mua khoảng 4.000m², còn lại khoảng hơn 1.000m² do gia đình bên chồng cho từ lúc ông bà kết hôn.

Tại phiên tòa, bà B, là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn H thay đổi yêu cầu chia tài sản đối với phần diện tích đất này, cụ thể bà B chỉ yêu cầu chia đôi phần diện tích 4.334m² trong tổng diện tích 5.334,1m². Ông M đồng ý chia đôi phần diện tích 4.334m² cho bà H, vị trí phần đất chia cho bà H giống như vị trí ông đã xác định khi Tòa án tiến hành đo đạc.

Xét, việc bà B, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn H và bị đơn M thỏa thuận chia đôi phần diện tích 4,334m² mỗi người 2.167m² là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vị trí, tứ cận phần đất chia cho bà H như sau:

- Bắc giáp Lê Văn Đor;
- Nam giáp thửa 1821 diện tích 92,5m² của ông M;
- Đông giáp Nguyễn Văn Rẫy, Huỳnh Thị Nở;
- Tây giáp phần đất còn lại chia cho ông M;

Đối với phần diện tích đất 1.000m² trong tổng diện tích 5,334,1m² của thửa 1612 hiện do ông M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên tiếp tục giao cho ông M là phù hợp.

* Đối với căn nhà và các tài sản sinh hoạt trong nhà:

- Về căn nhà:

Trong quá trình chung sống, bà B và ông M tạo lập được 01 căn nhà có kết cấu nền gạch men ceramc, cột bê tông cốt thép, vách tường, mái lợp tole (KCC1) diện tích 101,172m² được xây dựng trên thửa số 2951, tờ bản đồ số 03, diện tích đất 541,3m² tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã P, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01480 ngày 12/8/2014 do UBND huyện C cấp cho ông M.

Bà B, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn H và bị đơn M trình bày thống nhất tài sản chung của bà H và ông M chỉ là căn nhà, còn phần diện tích 541,3m² tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã P, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01480 ngày 12/8/2014 do UBND huyện C cấp cho ông M là của gia đình ông M cho cá nhân ông M, nên bà H không yêu cầu chia quyền sử dụng đất diện tích 541,3m² mà chỉ yêu cầu chia ½ giá trị nhà và bà H yêu cầu được nhận bằng giá trị.

Tại phiên tòa, ông M đồng ý chia ½ giá trị căn nhà cho bà H, nhưng ông cho rằng ông không khả năng thanh toán giá trị cho bà H.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 07/6/2017 của Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thị xã P thì tổng giá trị căn nhà là 217.924.488 đồng.

Xét thấy, căn nhà hiện đang xây dựng trên phần đất diện tích 541,3m² của ông M và ông M, Nguyễn Hoàng Phi đang sinh sống tại đây, nên cần thiết giao cho ông M tiếp tục quản lý sử dụng và sở hữu căn nhà. Ông M có nghĩa vụ hoàn trả cho bà H ½ giá trị căn nhà là 108.962.244 đồng.

- Về tài sản sinh hoạt trong gia đình:

Bà B, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn H và ông M thống nhất tài sản sinh hoạt trong nhà gồm: 01 bếp gas hiệu Rinnai + 01 bình gas; 01 máy may; 01 tủ đứng bằng cây; 01 tủ đứng bằng nhôm; 01 tủ Tivi nhôm lồng kính; 01 Tivi hiệu Darling; 01 máy dầu, 01 máy bơm nước hiệu Honda, 01 bình xịt máy; 01 bộ ván

ngủ, 01 tủ lạnh hiệu Panasonic, 01 xe Honda Wave Alpha biển số 63X2-3796, 01 Tivi hiệu Samsung.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông M đồng ý giao lại cho bà H các tài sản mà phía gia đình bà H đã cho trước đây gồm 01 bếp gas hiệu Rinnai + 01 bình gas; 01 máy may; 01 tủ đứng bằng cây; 01 tủ đứng bằng nhôm; 01 tủ Tivi nhôm lồng kính; 01 Tivi hiệu Darling và ông M không yêu cầu chia đôi với các tài sản này. Bà B đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn H đồng ý nhận lại các tài sản này và cũng không yêu cầu chia.

Xét đây là sự thỏa thuận của bà B, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn H và ông M, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Các tài sản sinh hoạt còn lại gồm: 01 máy dầu, 01 máy bơm nước hiệu Honda, 01 bình xịt máy, 01 bộ ván ngủ, 01 tủ lạnh hiệu Panasonic, 01 xe Honda Wave Alpha biển số 63X2-3796, 01 Tivi hiệu Samsung: bà B, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn H và bị đơn M thống nhất chia đôi, bà H yêu cầu được chia bằng giá trị.

Theo biên bản định giá ngày 07/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản Tòa án nhân dân thị xã P xác định:

- 01 máy dầu bơm nước, không rõ hiệu trị giá: 700.000 đồng
- 01 máy bơm nước hiệu Honda trị giá: 300.000 đồng;
- 01 bình xịt máy trị giá: 240.000 đồng;
- 01 bộ ván ngủ gỗ thao lao, kích thước (1,7 x 2,65 x 0,08) trị giá: 7.200.000 đồng;
- 01 tủ lạnh hiệu Panasonic trị giá: 450.000 đồng;
- 01 xe Honda Wave Alpha biển số 63X2-3796 trị giá: 5.750.000 đồng;
- 01 Tivi hiệu Samsung 14inch trị giá: 200.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản sinh hoạt là: 14.840.000 đồng.

Xét thấy, ông M hiện đang quản lý và sử dụng các tài sản này, nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao ông M quản lý, sở hữu và ông M có nghĩa vụ hoàn trả cho bà H $\frac{1}{2}$ giá trị là 7.420.000 đồng.

* Đối với phần nợ 35.000.000 đồng:

Bị đơn M cho rằng trong quá trình sống chung, vợ chồng ông có nợ Ngân hàng A, Thị xã P, tỉnh Tiền Giang số tiền vay là 35.000.000 đồng, số tiền này ông vay vào ngày 16/5/2016 thời hạn vay 14 tháng, đến ngày 10/7/2017 hết hạn, mục đích vay: chăn nuôi heo nái giống. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 14/11/2016 ông M đã thành toán cho ngân hàng số tiền vốn vay 35.000.000 đồng và số tiền lãi là 1.592.000 đồng. Tổng cộng ông M đã trả cho Ngân hàng số tiền 36.592.000 đồng, ông M cho rằng ông vay số tiền này là trả nợ chung của vợ chồng, nên yêu cầu bà H hoàn trả lại cho ông $\frac{1}{2}$ số tiền là 18.296.000 đồng.

Bà B, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn H không đồng ý với yêu cầu này của ông M và cho rằng việc M vay số tiền này bà H không biết, trong quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung.

Xét thấy, tại phiên tòa ông M cho rằng ông vay để trả nợ chung của vợ chồng nhưng ông không có chứng cứ gì chứng minh, bà B, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn H không thừa nhận. Đồng thời, tại phiên tòa ông M thừa nhận khi ông vay số tiền 35.000.000 đồng, ông không có nói cho bà H biết. Hơn nữa, khi ông M nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với bà H thì ông M xác định vợ chồng không có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền 36.592.000 đồng ông M vay của Ngân hàng A là nợ riêng của ông M, không phải là nợ chung của vợ chồng, nên việc ông M yêu cầu bà H hoàn lại cho ông $\frac{1}{2}$ số tiền nợ là không phù hợp.

Về án phí:

Bà H và ông M mỗi người được chia 2.167m² đất và giá trị căn nhà, tài sản sinh hoạt trong nhà được chia là 116.382.244 đồng. Lấy giá trị đất là 40.000 đồng/m² theo biên bản định giá tài sản ngày 16/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản để làm căn cứ tính án phí. Tổng giá trị tài sản mà ông M, bà H được chia là 203.062.244 đồng. Như vậy, bà H và ông M phải nộp 10.153.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với phần diện tích 1.000m² còn lại của thửa 1612 và các tài sản sinh hoạt gồm 01 bếp gas hiệu Rinnai + 01 bình gas; 01 máy may; 01 tủ đứng bằng cây; 01 tủ đứng bằng nhôm; 01 tủ Tivi nhôm lồng kính; 01 Tivi hiệu Darling, bà H và ông M không yêu cầu chia nên không phải chịu án phí.

Đối với số tiền 36.592.000 đồng, do đây là nghĩa vụ riêng của ông M, không phải là nghĩa vụ chung của vợ chồng và ông M cũng đã thanh toán xong cho Ngân hàng nên ông M không phải nộp án phí đối với yêu cầu này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Tiền Giang phát biểu: Về tố tụng, trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự như thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; việc xác minh, thu thập chứng cứ thực hiện đúng tại điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần HĐXX. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc nguyên đơn rút yêu cầu chia phần diện tích 92,5m² thửa 1821 của bà B, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn H và ghi nhận thỏa thuận giữa bà B, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn H và ông M về việc ông M chia cho bà H phần đất 2.167m² trong diện tích 5.334,1m² thuộc thửa 1612 tờ bản đồ số 3; ghi nhận sự tự nguyện của ông M về việc giao cho bà H các tài sản gồm: 01 bếp gas hiệu Rainin + 01 bình ga; 01 máy may; 01 tủ đứng bằng cây; 01 tủ đứng bằng nhôm; 01 tủ Tivi nhôm lồng kính; 01 Tivi hiệu Darling; giao cho ông M quản lý và sở hữu căn nhà, các tài sản gồm 01 máy dầu bơm nước không rõ nhãn hiệu; 01 máy bơm nước hiệu Honda; 01 bình xịt máy; 01 bộ ván ngủ; 01 tủ

lạnh hiệu Panasonic; 01 xe Honda Wave Alpha biển số 63X2-3796 và 01 Tivi hiệu Samsung và ông M có nghĩa vụ hoàn lại cho bà H $\frac{1}{2}$ giá trị các tài sản này. Đối với số nợ 35.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xác định đây là nợ riêng của ông M.

Xét đề nghị của đại diện VKSND thị xã P phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 3 Điều 17 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/200/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, Miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu chia phần diện tích 92,5m² loại đất trồng cây hàng năm thuộc thửa 1821, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã P, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02898 cấp cho hộ ông M.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

* Về quyền sử dụng đất diện tích 5.334,1m² loại đất lúa thuộc thửa 1612, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã P, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02899 ngày 19/02/2008 do UBND huyện C cấp cho hộ ông M:

- Chia cho bà H được quyền quản lý và sử dụng phần diện tích 2.167m²; có vị trí, tứ cận như sau:

+ Bắc giáp L. V.Đ;

+ Nam giáp thửa 1821 diện tích 92,5m² của ông M;

+ Đông giáp N, H;

+ Tây giáp phần đất còn lại chia cho ông M;

(Có sơ đồ kèm theo)

- Ông M được quyền quản lý, sử dụng diện tích 3.334,1m² còn lại; vị trí, tứ cận như sau:

+ Bắc giáp L.V Đ;

+ Nam giáp thửa 1821 diện tích 92,5m² của ông M;

+ Đông giáp phần đất chia cho bà H;

+ Tây giáp N, C.

(Có sơ đồ kèm theo)

- Bà H, ông M được quyền liên lệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung quyết định này.

* Về nhà và tài sản sinh hoạt trong gia đình:

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông M giao lại cho bà H các tài sản gồm: 01 bếp gas hiệu Rinnai + 01 bình gas; 01 máy may; 01 tủ đứng bằng cây; 01 tủ đứng bằng nhôm; 01 tủ Tivi nhôm lồng kính; 01 Tivi hiệu Darling và không yêu cầu chia các tài sản này.

- Ông M được quyền quản lý, sở hữu 01 căn nhà có kết cấu nền gạch men ceramc, cột bê tông cốt thép, vách tường, mái lợp tole (KCC1) diện tích 101,172m² được xây dựng trên thửa số 2951, tờ bản đồ số 03, diện tích đất 541,3m² tọa lạc tại ấp T, xã T, thị xã P, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01480 ngày 12/8/2014 do UBND huyện C cấp cho ông M và các tài sản gồm: 01 máy dầu bơm nước không rõ nhãn hiệu; 01 máy bơm nước hiệu Honda; 01 bình xịt máy; 01 bộ ván ngủ; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 xe Honda Wave Alpha biển số 63X2-3796 và 01 Tivi hiệu Samsung.

- Ông M có nghĩa vụ giao cho bà H số tiền chia tài sản gồm giá trị nhà và tài sản sinh hoạt trong gia đình là 116.382.244 đồng (Một trăm mười sáu triệu ba trăm tám mươi hai ngàn hai trăm bốn mươi bốn đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông M chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

* Về nợ:

- Xác định số tiền 36.592.000 đồng mà ông M đã trả cho Ngân hàng A, chi nhánh Thị xã P, tỉnh Tiền Giang ngày 14/11/2016 là nợ riêng của ông M.

Không chấp nhận yêu cầu của ông M về việc yêu cầu bà H hoàn trả ½ số tiền 36.592.000 đồng là 18.296.000 đồng.

* Về án phí:

Bà H phải nộp 10.153.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 11.200.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000200 ngày 03/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, nên được hoàn lại 1.047.000 đồng.

Ông M phải nộp 10.153.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà H và ông M quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ngân hàng A, chi nhánh thị xã P, tỉnh Tiền Giang và anh P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Án tuyên vào lúc 8 giờ 45 ngày 01/9/2017, có mặt bà B (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn), ông M; vắng mặt anh P và Ngân hàng A.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm